TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KRÔNG PA** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2017/HNGĐ-ST
Ngày 05 - 12 - 2017
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG PA , TỈNH GIA LAI

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Khắc Toản

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Thoát
2. Bà Võ Thị Đan Trinh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Quản Thu Hằng – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pa – Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông Nay San – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 12 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số 37/2017/TLST- HNGĐ, ngày 08 tháng 8 năm 2017 về việc*"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2017/QĐXXST- HNGĐ ngày 10 tháng 11 năm 2017, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* chị Nguyễn Thị V, sinh năm 1987
Địa chỉ: thôn K, xã C, huyện K, tỉnh Gia Lai. Có mặt

2. *Bị đơn*: anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1980
Địa chỉ: thôn K, xã C, huyện K, tỉnh Gia Lai. Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong đơn khởi kiện và quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị V trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Tôi và anh Đ tự nguyện tìm hiểu, yêu thương nhau, được sự đồng ý của hai bên gia đình và về chung sống vợ chồng từ năm 2004. Chúng tôi có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật vào ngày 19/7/2004 tại UBND xã C, huyện K. Thời gian đầu chúng tôi chung sống hạnh phúc nhưng gần đây vợ chồng

thường hay mâu thuẫn, không còn yêu thương, chăm sóc cho nhau như trước nữa. Hiện tôi và anh Đ đã sống ly thân từ tháng 8/2017 đến nay. Vì vậy, tôi đề nghị Toà án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Đ trước pháp luật.

Về con: Tôi và anh Nguyễn Văn Đ có 02 con chung là Nguyễn Văn H, sinh ngày 05/3/2005 và Nguyễn Thị Song T, sinh ngày 27/8/2011. Nếu tôi và anh Đ ly hôn thì tôi có nguyện vọng nhận nuôi 01 con chung là Nguyễn Thị Song T, sinh ngày 27/8/2011, còn 01 con chung là Nguyễn Văn H, sinh ngày 05/3/2005 giao cho anh Đ nuôi dưỡng. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho ai.

Về tài sản chung và thực hiện nghĩa vụ chung về tài sản: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Bị đơn anh Nguyễn Văn Đ trình bày tại biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa:

Về quan hệ hôn nhân: về thời gian kết hôn và về con chung của chúng tôi như chị Nguyễn Thị V trình bày là đúng sự thật. Cuộc sống vợ chồng thời gian đầu có hạnh phúc nhưng thời gian gần đây thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng không có chung quan điểm sống và về kinh tế nên thường xuyên xảy ra cãi vã, có tiếp tục sống chung cũng không thể mang lại hạnh phúc cho nhau. Hiện nay vợ chồng tôi đã sống ly thân. Nay chị V kiên quyết yêu cầu ly hôn với tôi thì tôi cũng đồng ý nhưng tôi yêu cầu chị V phải công khai toàn bộ vấn đề tài chính.

Về con: chúng tôi có 02 con chung là Nguyễn Văn H, sinh ngày 05/3/2005 và Nguyễn Thị Song T, sinh ngày 27/8/2011. Nếu tôi và chị V ly hôn với nhau, tôi có nguyện vọng nuôi cả hai con chung là Nguyễn Thị Song T và Nguyễn Văn H vì chị V thường xuyên đi buôn bán không chăm lo đến con. Tôi không yêu cầu chị V phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và thực hiện nghĩa vụ chung về tài sản: Tôi không đồng ý với quan điểm của chị V là không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Phát biểu ý kiến sau phần tranh luận, Kiểm sát viên cho rằng trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân thủ đầy đủ các thủ tục tố tụng cần thiết theo quy định của pháp luật; tại phiên toà Hội đồng xét xử cũng đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng kể từ khi bắt đầu phiên toà cho đến trước khi nghị án; đương sự cũng có thái độ chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật tố tụng.

Nội dung vụ án thì Kiểm sát viên có quan điểm là:

Về hôn nhân: Chị V và anh Đ chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức đám cưới kết hôn theo phong tục và đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật vào năm 2004 tại UBND xã C, huyện K, tỉnh Gia Lai. Trong quá trình chung sống thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm không cùng chí hướng để xây dựng hạnh phúc gia đình. Chị V và anh Đ hiện nay đã sống ly thân. Tại phiên tòa chị V và anh Đ vẫn giữ nguyên quan điểm thống nhất thuận tình ly hôn là phù hợp với quy định tại Điều 55 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Về con chung: Chị V và anh Đ có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Song T, sinh ngày 27/8/2011, cháu Nguyễn Văn H, sinh ngày 05/3/2005. Chị V có nguyện vọng được trông nom, chăm sóc và nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị Song T và giao cho anh Đ nuôi dưỡng cháu Nguyễn Văn H. Chị V không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con. Anh Đ có nguyện vọng nhận nuôi 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Song T và cháu Nguyễn Văn H, đồng thời anh Đ không yêu cầu chị V phải cấp dưỡng nuôi con.

Xét yêu cầu được trực tiếp nuôi con của chị V và anh Đ là hoàn toàn chính đáng có cơ sở. Do chị V và anh Đ có 02 con và đều có các điều kiện về cơ sở vật chất như nhau. Tại biên bản ghi ý kiến ngày 05/9/2017 của cháu Nguyễn Văn H có ý kiến là có nguyện vọng muốn ở với cha là anh Nguyễn Văn Đ. Đây là nguyện vọng của cháu H lựa chọn phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Do vậy, cần thiết giao con chưa thành niên là cháu Nguyễn Văn H cho anh Đ và cháu Nguyễn Thị Song T cho chị V trông nom, chăm sóc, giáo dục là phù hợp với điều kiện thực tế của con và quy định của pháp luật.

- *Về tài sản chung và thực hiện nghĩa vụ chung về tài sản:* Chị V không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Đối với ý kiến của anh Đ không đồng ý với quan điểm của chị V không yêu cầu giải quyết tài sản chung, anh Đ muốn yêu cầu giải quyết về tài sản chung, nhưng trong quá trình giải quyết vụ án anh Đ không có làm đơn yêu cầu phản tố theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Do vậy không có cơ sở xem xét yêu cầu của anh Đ.

Bởi các lẽ trên: Áp dụng Điều 28, 266 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 và các Điều 9, 51, 56, 81, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pa đề nghị Hội đồng xét xử sơ thẩm, xử:

- Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị V và anh Nguyễn Văn Đ.

- Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Thị Song T, sinh ngày 27/8/2011 cho chị V và cháu Nguyễn Văn H cho anh Đ được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Chị V và anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết.

- Về án phí ly hôn: Căn cứ khoản 4, Điều 147 BLTTDS năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết: 326/2016, ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, các đương sự phải chịu 50% án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Đây là vụ án về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về hôn nhân:* chị Nguyễn Thị V và anh Nguyễn Văn Đ đi đến hôn nhân với nhau trên cơ sở tự nguyện của hai bên và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã C ngày 19/7/2004. Trong quá trình chung sống thời gian đầu cuộc sống vợ chồng hạnh phúc nhưng về sau này cuộc sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, tính tình vợ chồng không hợp nhau về mọi mặt, chị V và anh Đ đã sống ly thân từ tháng 8/2017 đến nay. Mâu thuẫn gia đình đã được hai bên giải quyết, Tòa án đã hòa giải để đoàn tụ vợ chồng nhưng chị V và anh Đ vẫn cương quyết yêu cầu được ly hôn. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị V và anh Đ vẫn giữ nguyên quan điểm thống nhất thuận tình ly hôn là phù hợp với quy định tại Điều 55 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] *Về nuôi con:* Giữa chị Nguyễn Thị V và anh Nguyễn Văn Đ có 02 con là Nguyễn Văn H, sinh ngày 05/3/2005 và Nguyễn Thị Song T, sinh ngày 27/8/2011. Khi ly hôn chị V có nguyện vọng nuôi con Nguyễn Thị Song T, sinh ngày 27/8/2011; còn con Nguyễn Văn H, sinh ngày 05/3/2005 giao anh Đ nuôi dưỡng, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào; Còn anh Đ có nguyện vọng nuôi dưỡng cả hai con và không yêu cầu chị V phải cấp dưỡng nuôi con. Xét yêu cầu được trực tiếp nuôi con của chị V và anh Đ là hoàn toàn chính đáng và có căn cứ pháp luật vì theo quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con. Cho nên, trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành lấy ý kiến của cháu Nguyễn Văn H, sinh ngày 05/3/2005 (trên 07 tuổi) thì cháu H có nguyện vọng được sống cùng cha đẻ là anh Nguyễn Văn Đ. Chị V có nguyện vọng được nuôi cháu Nguyễn Thị Song T, sinh ngày 27/8/2011. Đồng thời chị V và anh Đ đều có các điều kiện về cơ sở vật chất, thời gian để nuôi con tương đương nhau. Cháu T hiện còn nhỏ lại là nữ giới nên việc chị V là mẹ trực tiếp nuôi dạy, chăm sóc cháu T là phù hợp hơn đến sự phát triển bình thường và tâm sinh lý của cháu T. Nên Hội đồng xét xử xét thấy cần giao con Nguyễn Văn H, sinh ngày 05/3/2005 cho anh Nguyễn Văn Đ và giao con Nguyễn Thị Song T, sinh ngày 27/8/2011 cho chị Nguyễn Thị V trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng, điều kiện thực tế của con và quy định pháp luật.

[4] *Về cấp dưỡng nuôi con:* Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã giải thích cho các đương sự về quyền của người trực tiếp nuôi con và người không trực tiếp nuôi con, quyền yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, tuy nhiên chị V và anh Đ vẫn giữ nguyên quan điểm của mình. Do đó, Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[5] *Về tài sản chung và thực hiện nghĩa vụ chung về tài sản*: chị V không yêu cầu Tòa án giải quyết, nhưng anh Đ có yêu cầu. Tòa án cũng đã giải thích cho anh Đ về thủ tục pháp lý để khởi kiện trong cùng vụ án nhưng anh Đ không thực hiện. Do đó Hội đồng xét xử không chấp nhận, xem xét quan điểm của anh Đ. Sau này anh Đ có quyền khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung vợ chồng bằng một vụ án khác.

[6] *Về án phí:* Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Án phí ly hôn là 300.000 đồng. Các đương sự thoả thuận được với nhau về việc thuận tình ly hôn thì chỉ phải chịu 50% mức án phí là 300.000 đồng x 50% = 150.000 đồng, trong đó chị Nguyễn Thị V phải chịu 75.000 đồng và anh Nguyễn Văn Đ phải chịu 75.000 đồng. Chị V tự nguyện nộp toàn bộ án phí là 150.000 đồng cả phần của anh Đ nhưng được trừ vào số tiền đã tạm nộp trước đây là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0005907 ngày 08 tháng 08 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai. Hoàn trả lại cho chị Nguyễn Thị V 300.000 đồng - 150.000 đồng = 150.000 đồng *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)* chênh lệch.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 4, 5, 6; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 1 Điều 9, các Điều 51, 53, 55, 57, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Tuyên xử:

1.Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị V và anh Nguyễn Văn Đ.

2.Về con chung: giao con Nguyễn Văn H, sinh ngày 05/3/2005 cho anh Nguyễn Văn Đ và giao con Nguyễn Thị Song T, sinh ngày 27/8/2011 cho chị Nguyễn Thị V trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con thành niên hoặc đã thành niên bị tàn tật, mất năng lực hành vi dân sự, không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình. Chị Nguyễn Thị V và anh Nguyễn Văn Đ không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn chị Nguyễn Thị V và anh Nguyễn Văn Đ được quyền thăm nom con, không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha mẹ hoặc cá nhân, tổ chức thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con. Nếu chị V, anh Đ lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người người không trực tiếp nuôi con.

Chị V, anh Đ cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản và thực hiện nghĩa vụ chung về tài sản: chị V không yêu cầu, anh Đ có yêu cầu nhưng không nộp đơn khởi kiện và tạm ứng án phí nên Tòa án không xem xét.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4.Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Án phí ly hôn là 300.000 đồng. Các đương sự thoả thuận được với nhau về việc thuận tình ly hôn thì chỉ phải chịu 50% mức án phí là 300.000 đồng x 50% = 150.000 đồng, trong đó chị Nguyễn Thị V phải chịu 75.000 đồng và anh Nguyễn Văn Đ phải chịu 75.000 đồng. Chị V tự nguyện nộp toàn bộ án phí là 150.000 đồng cả phần của anh Đ nhưng được trừ vào số tiền đã tạm nộp trước đây là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0005907 ngày 08 tháng 08 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai. Hoàn trả lại cho chị Nguyễn Thị V 300.000 đồng - 150.000 đồng = 150.000 đồng *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)* chênh lệch.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay (ngày 05/12/2017), để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
-TAND t. Gia Lai (01 bản);
-VKSND h. Krông Pa (02 bản);
-Chi cục THADS h. Krông Pa (01 bản);
-UBND xã Chư Gu(01 bản);
-Các đương sự (02 bản);
-Lưu hồ sơ/VP (02 bản).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Khắc Toản